FLYERS ENGLISH

Từ vựng Pre-A1 Starters: Thời gian

10 từ chủ đề thời gian mới ở cấp độ Cambridge Pre-A1 Starters. Mỗi từ có nghĩa dễ hiểu và một câu ví dụ.

Cách dùng danh sách này

1. Mỗi ngày học một chủ đề. Mười đến mười lăm phút là đủ.
2. Cùng con đọc to từ, nghĩa và câu ví dụ.
3. Đánh dấu vào ô khi con nói được từ và đặt được câu với từ đó.

Thời gian · Pre-A1 Starters 10 từ

TỪ	NGHĨA (TIẾNG ANH)	CÂU VÍ DỤ
☐ **afternoon** *noun*	Time between lunch and dinner.	*I play outside in the afternoon.*
☐ **birthday** *noun*	Day you were born.	*I eat cake on my birthday.*
☐ **clock** *noun*	It shows the time.	*I look at the clock to know lunch time.*
☐ **day** *noun*	Time from morning to night.	*I go to school every day.*
☐ **evening** *noun*	It is the end of day.	*I eat dinner in the evening.*
☐ **in** *preposition, time*	It means inside something.	*My book is in my bag.*
☐ **morning** *noun*	It's the start of day.	*I eat breakfast in the morning.*
☐ **night** *noun*	It is when it's dark.	*I sleep at night.*
☐ **today** *adverb, noun*	It is this day now.	*I play outside today.*
☐ **year** *noun*	It's twelve months together.	*My birthday is every year.*

Nghe phát âm và chơi với các từ này

Danh sách này có hình, âm thanh và trò chơi miễn phí trên FlyersEnglish. Mở trang bên dưới trên điện thoại, máy tính bảng hoặc máy tính.

flyersenglish.com/vi/wordlist/starters/time

Bám sát danh sách từ vựng chính thức của Cambridge English Young Learners. Nghĩa và câu ví dụ do FlyersEnglish biên soạn. FlyersEnglish không liên kết với Cambridge và không được Cambridge bảo trợ.